

NGHỊ QUYẾT
CỦA BAN THƯỜNG VỤ TỈNH ỦY
về công tác dân tộc

I. TÌNH HÌNH VÀ NGUYÊN NHÂN

Tỉnh Quảng Ngãi có tổng diện tích tự nhiên là 5.152,95 km², với 13 đơn vị hành chính cấp huyện (gồm 05 huyện đồng bằng, 05 huyện miền núi, 01 huyện đảo, 01 thị xã, 01 thành phố), 173 xã, phường, thị trấn. Dân số 1.233.396 người; trong đó có 32 dân tộc thiểu số (chủ yếu là dân tộc H'rê, Co, Cadong), với 187.072 người, chiếm khoảng 15,17% dân số toàn tỉnh, sống tập trung chủ yếu là khu vực miền núi của tỉnh, có địa hình khá phức tạp, nhiều đồi núi cao hiểm trở, là địa bàn xung yếu về quốc phòng, an ninh. Mỗi dân tộc thiểu số có những phong tục, tập quán riêng, góp phần tạo nên sự đa dạng, phong phú văn hóa của tỉnh.

Trong những năm qua, các cấp ủy đảng và hệ thống chính trị trên địa bàn tỉnh đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác dân tộc và chính sách dân tộc đạt được những kết quả quan trọng, góp phần phát triển kinh tế - xã hội ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hạ tầng thiết yếu được quan tâm đầu tư. Đời sống vật chất, tinh thần của đồng bào dân tộc thiểu số có bước được cải thiện. Hệ thống chính trị cơ sở ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được tăng cường. Quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội được giữ vững. Các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển.

Bên cạnh những kết quả đạt được, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của tỉnh vẫn còn những khó khăn, hạn chế: Quy mô kinh tế nhỏ, cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm và chưa vững chắc; kết cấu hạ tầng tuy đã được đầu tư cơ bản nhưng vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển; huy động và sử dụng các nguồn lực đầu tư còn hạn chế; tỷ lệ hộ nghèo cao so với bình quân chung của tỉnh; chất lượng giáo dục, y tế còn thấp; bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của một số dân tộc đang có xu hướng bị mai một; tư tưởng trông chờ, ỷ lại và một số phong tục, tập quán lạc hậu của một bộ phận dân tộc thiểu số vẫn còn tồn tại. Hệ thống chính trị cơ sở ở một số nơi còn yếu; trình độ, năng lực của một bộ phận cán bộ chưa đáp ứng được yêu cầu. Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội còn tiềm ẩn yếu tố có thể gây mất ổn định, chia rẽ đoàn kết giữa các dân tộc; một số nơi hoạt động tôn giáo chưa tuân thủ đúng pháp luật và chưa phù hợp với phong tục, tập quán của người dân.

Những hạn chế, yếu kém nêu trên có nhiều nguyên nhân, trong đó có các nguyên nhân chủ yếu sau: Xuất phát điểm của nền kinh tế thấp, tập quán canh tác còn lạc hậu; dân cư phân tán, đất canh tác manh mún, bạc màu; điều kiện và khả năng tiếp cận các tiến bộ khoa học kỹ thuật của người dân còn nhiều khó khăn. Nhận thức của một số cấp ủy, chính quyền, các ngành, các cấp về công tác dân tộc còn chưa sâu sắc, thiếu toàn diện. Quản lý nhà nước về công tác dân tộc ở một số nơi chưa được coi trọng và còn nhiều hạn chế; một bộ phận cán bộ làm công tác dân tộc, cán bộ vùng dân tộc thiểu số và miền núi chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ. Tâm lý tự ti, trông chờ của một bộ phận đồng bào dân tộc thiểu số chưa được khắc phục. Công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác dân tộc vẫn còn hạn chế, hiệu lực, hiệu quả chưa cao, chưa đáp ứng được nhu cầu và thực tiễn đặt ra.

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

1. Quan điểm

1.1. Kiên trì, nhất quán thực hiện các quan điểm của Đảng về công tác dân tộc theo nguyên tắc: Các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng, giúp nhau cùng phát triển. Nghiêm cấm mọi hành vi kỳ thị, chia rẽ dân tộc.

1.2. Triển khai thực hiện kịp thời, đồng bộ, có hiệu quả các chủ trương của Trung ương, của tỉnh về công tác dân tộc gắn với công tác xây dựng Đảng.

1.3. Huy động, phân bổ, sử dụng hiệu quả các nguồn lực để đầu tư phát triển, tạo chuyển biến căn bản về kinh tế, văn hóa, xã hội ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; khơi dậy ý chí tự lực, tự cường, lòng tự hào dân tộc trong đồng bào các dân tộc thiểu số tham gia phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện giảm nghèo đa chiều, bền vững.

1.4. Công tác dân tộc và thực hiện chính sách dân tộc là nhiệm vụ chiến lược cơ bản, lâu dài, đồng thời cũng là nhiệm vụ cấp bách của cả hệ thống chính trị, đặc biệt phải tiếp tục tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân tộc.

1.5. Phát huy mọi nguồn lực, khai thác tiềm năng, lợi thế để phát triển bền vững vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; bảo đảm quốc phòng - an ninh; giữ gìn, phát huy bản sắc văn hoá tốt đẹp của các dân tộc.

2. Mục tiêu tổng quát

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác dân tộc và chính sách dân tộc; xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở vững mạnh. Nâng cao trình độ dân trí; giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của các dân tộc đi đôi với xóa bỏ tập tục lạc hậu; không ngừng cải thiện đời sống của đồng bào dân tộc thiểu số. Bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội; củng cố, tăng cường khối đại đoàn kết các dân tộc. Phấn đấu đến năm 2030, cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu đã đề ra trong Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2030.

3. Chỉ tiêu cụ thể đến năm 2025 và định hướng đến năm 2030

3.1. Chỉ tiêu cụ thể đến năm 2025

- 100% công chức ở huyện miền núi đạt tiêu chuẩn chức danh theo quy định; 90% cán bộ, công chức cấp xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi có trình độ chuyên môn đại học trở lên; 100% cán bộ lãnh đạo chủ chốt cấp xã có trình độ đại học chuyên môn và trung cấp lý luận chính trị trở lên; trên 80% cán bộ, công chức, viên chức trực tiếp theo dõi công tác dân tộc, chuyên trách làm công tác dân tộc; cán bộ, công chức, viên chức công tác tại địa bàn có đồng bào dân tộc thiểu số; cán bộ cấp cơ sở tiếp xúc, làm việc trực tiếp với đồng bào dân tộc thiểu số thuộc nhóm đối tượng 2, nhóm đối tượng 3 và nhóm đối tượng 4 được bồi dưỡng kiến thức dân tộc. Phân đấu cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số tham gia vào các cơ quan, tổ chức, đơn vị từ cấp tỉnh đến cấp xã cơ bản đạt tỷ lệ theo quy định.

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân giai đoạn 2021 – 2025 là 8 - 9%/năm; trong đó tỷ trọng nông nghiệp 33 - 34%, công nghiệp - xây dựng 42 - 43%, dịch vụ 24 - 25%.

- Thu nhập bình quân của người dân tộc thiểu số tăng trên 02 lần so với năm 2020; tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số giảm từ 4 - 4,5%/năm.

- Giảm 50% số thôn, xã đặc biệt khó khăn; 99% số hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia và các nguồn điện khác phù hợp; 90% đồng bào dân tộc thiểu số được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; đảm bảo có trường học kiên cố, nhà công vụ cho giáo viên và ký túc xá cho học sinh ở những nơi cần thiết; 80 - 85% số xã, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế; 70% thôn có đường ô tô đến trung tâm được cứng hóa; 60% số hộ dân tộc thiểu số đang cư trú ở các khu vực xa xôi, hẻo lánh, nơi có nguy cơ xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở được di dời đến nơi an toàn. Giải quyết cơ bản tình trạng thiếu đất ở, đất sản xuất cho đồng bào dân tộc thiểu số.

- Nâng cao thể trạng, tầm vóc, tuổi thọ người dân tộc thiểu số; giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng dưới 5 tuổi xuống dưới 15%; 98% đồng bào dân tộc thiểu số tham gia bảo hiểm y tế.

- 40% lao động trong độ tuổi được đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu, điều kiện của người dân tộc thiểu số và đặc thù vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Bảo tồn và phát triển các giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc; 50% thôn, tổ dân phố có đội hoặc câu lạc bộ văn hóa, văn nghệ truyền thống.

- 95% xã, thị trấn vững mạnh về quốc phòng, an ninh; trong đó có 65% xã, thị trấn vững mạnh toàn diện.

3.2. Định hướng đến năm 2030

- Tiếp tục nâng cao chất lượng hệ thống chính trị; đảm bảo đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đạt tiêu chuẩn chức danh, số lượng theo quy định; 100% cán bộ, công chức, viên chức trực tiếp theo dõi công tác dân tộc, chuyên trách làm công tác dân tộc; cán bộ, công chức, viên chức công tác tại địa bàn có đông đồng bào dân tộc thiểu số; cán bộ cấp cơ sở tiếp xúc, làm việc trực tiếp với đồng bào dân tộc thiểu số thuộc nhóm đối tượng 2, nhóm đối tượng 3 và nhóm đối tượng 4 được bồi dưỡng kiến thức dân tộc.

- Tăng trưởng kinh tế bình quân giai đoạn 2026 - 2030 là 7 - 8%/năm; trong đó tỷ trọng nông nghiệp 30%, công nghiệp - xây dựng 44%, dịch vụ 26%. Thu nhập bình quân của người dân tộc thiểu số bằng 1/2 thu nhập bình quân chung cả nước; giảm tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số 3%/năm.

- Cơ bản không còn thôn, xã đặc biệt khó khăn; 100% hộ đồng bào dân tộc thiểu số sử dụng điện thường xuyên, 95% hộ gia đình đồng bào dân tộc thiểu số được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh; 90% - 95% số xã, thị trấn đạt chuẩn quốc gia về y tế; trên 80% thôn có đường ô tô đến trung tâm được cứng hóa; 100% số hộ dân tộc thiểu số đang cư trú ở các khu vực xa xôi, hẻo lánh, nơi có nguy cơ xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở được di dời đến nơi an toàn.

- Giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng dưới 5 tuổi xuống dưới 12%; 100% đồng bào dân tộc thiểu số tham gia bảo hiểm y tế.

- 60% lao động trong độ tuổi được đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu, điều kiện của người dân tộc thiểu số và đặc thù vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- 100% xã, thị trấn vững mạnh về quốc phòng, an ninh; trong đó có 70% xã, thị trấn vững mạnh toàn diện.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng về công tác dân tộc

- Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo và nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy, tổ chức đảng về công tác dân tộc, nhất là ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trong tình hình mới. Đổi mới, đa dạng hóa cách thức tuyên truyền đảm bảo các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác dân tộc và chính sách dân tộc đến được với nhân dân; gắn với tuyên truyền, biểu dương, tôn vinh gương người tốt, việc tốt, các mô hình, điển hình thực hiện tốt công tác dân tộc.

- Nâng cao chất lượng hệ thống chính trị ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; tập trung nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng, hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước của các cấp chính quyền.

- Thực hiện tốt công tác dân vận vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; với phương châm: Đi đến tận nơi, tìm hiểu thật kỹ, hiểu rõ người dân, kiên trì vận động, tham mưu tích cực, hiệu quả lâu dài; sử dụng phương thức phù hợp với đặc thù của từng dân tộc, từng địa phương, vùng miền. Đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã

hội đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới; tích cực phối hợp tổ chức tốt các hoạt động an sinh xã hội; phát huy dân chủ ở cơ sở theo phương châm "*dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng*"; thực hiện tốt công tác giám sát và phản biện xã hội đối với các chủ trương, chính sách về dân tộc và công tác dân tộc.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác dân tộc. Quan tâm công tác phát triển đảng viên là người dân tộc thiểu số, nhất là vùng đặc biệt khó khăn, vùng đồng bằng bào dân tộc thiểu số. Phát huy vai trò lực lượng nòng cốt, người có uy tín trong đồng bào các dân tộc thiểu số và hiệu quả hoạt động các mô hình tự quản tại cộng đồng.

2. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về công tác dân tộc

2.1. Tiếp tục rà soát, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nguồn nhân lực của hệ thống cơ quan quản lý nhà nước ở vùng đồng bằng dân tộc thiểu số theo hướng dẫn, chỉ đạo của Trung ương.

2.2. Tập trung phát triển kinh tế; ưu tiên các nguồn lực đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, kinh tế - xã hội; thực hiện tốt chính sách dân tộc, củng cố niềm tin và uy tín với nhân dân.

2.3. Rà soát, sửa đổi, bổ sung, lồng ghép, tích hợp các chính sách liên quan nhằm tổ chức thực hiện có hiệu quả các chính sách phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bằng dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030; huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực ngoài ngân sách để thực hiện công tác dân tộc trong tình hình mới.

2.4. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng sản xuất hàng hóa, phát huy thế mạnh của địa phương, phù hợp với văn hóa, tập quán từng dân tộc; trong đó cần tập trung một số nhiệm vụ cụ thể sau:

- Tiếp tục khai thác, phát huy tối đa tiềm năng, nguồn lực để phát triển nông, lâm nghiệp. Thực hiện tốt công tác khuyến nông, khuyến lâm, chuyển giao kiến thức, kỹ năng, áp dụng tiến bộ kỹ thuật nhằm nâng cao trình độ, năng lực sản xuất cho đồng bào các dân tộc thiểu số; đầu tư xây dựng và nhân rộng các mô hình sản xuất có hiệu quả; tập trung phát triển lâm nghiệp bền vững gắn với công nghiệp chế biến gỗ theo hướng xuất khẩu. Quan tâm phát triển các tổ chức kinh tế hợp tác, hợp tác xã, tổ hợp tác để giúp người dân liên kết sản xuất, kinh doanh theo chuỗi giá trị hàng hóa. Tạo sinh kế cho người dân sống gần rừng, bảo vệ môi trường sinh thái, không gian sinh sống của đồng bào dân tộc thiểu số.

- Phát triển các cơ sở tiểu thủ công nghiệp với quy mô, trình độ công nghệ thích hợp, sử dụng nguồn nguyên liệu và lao động tại chỗ. Khuyến khích, tạo điều kiện phục hồi, phát triển các làng nghề thủ công truyền thống gắn với sản xuất các sản phẩm phục vụ du lịch và xuất khẩu. Phát triển thủy điện và công nghiệp khai thác khoáng sản theo quy hoạch.

- Thu hút đầu tư, phát triển các cơ sở thương mại, dịch vụ phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của từng vùng, từng địa phương; tăng cường xúc tiến thương mại, thúc đẩy liên kết trong tiêu thụ hàng hóa giữa vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi với các địa phương, khu công nghiệp trong và ngoài tỉnh. Có cơ chế, chính sách khuyến khích, thu hút đầu tư xây dựng, phát triển các loại hình du lịch, nhất là du lịch sinh thái.

- Huy động các nguồn lực để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là đường giao thông, công trình thủy lợi, chợ, trường học, trạm y tế, nhà văn hoá; ưu tiên phát triển hạ tầng các xã, thôn đặc biệt khó khăn; tập trung giải quyết cơ bản tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất; quy hoạch, sắp xếp, bố trí, ổn định dân cư ở những nơi cần thiết; đảm bảo các hộ gia đình dân tộc thiểu số được sử dụng điện lưới quốc gia, nước sinh hoạt hợp vệ sinh, dịch vụ phát thanh, truyền hình, viễn thông, tiếp cận công nghệ thông tin phục vụ nhu cầu sản xuất, sinh hoạt.

- Các chính sách hỗ trợ cần gắn với trách nhiệm của người dân, thường xuyên hướng dẫn để người dân có kiến thức, kỹ năng về sản xuất và tổ chức đời sống; phát huy ý thức tự lực, tự cường, khắc phục tư tưởng trông chờ, ỷ lại; biết khai thác các tiềm năng, nguồn lực tại chỗ; biết tiếp cận, thụ hưởng các chính sách, nguồn lực hỗ trợ của Nhà nước, của các doanh nghiệp; biết tiết kiệm trong tiêu dùng và biết tích lũy tái sản xuất để vươn lên thoát nghèo bền vững.

2.5. Phát triển đồng bộ các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

- Nâng cao chất lượng và mở rộng hệ thống các trường phổ thông dân tộc nội trú, bán trú; thực hiện tốt chính sách hỗ trợ cho học sinh, sinh viên người dân tộc thiểu số, giảm tối đa tình trạng học sinh bỏ học ở các cấp học; quan tâm chăm lo đời sống cho đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý giáo dục đang công tác ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Có cơ chế, chính sách hỗ trợ đào tạo nghề và giải quyết việc làm cho lao động là người dân tộc thiểu số tại các khu công nghiệp trong và ngoài tỉnh; quan tâm sử dụng, tuyển dụng sinh viên là người dân tộc thiểu số.

- Nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh tại các cơ sở y tế cấp huyện, xã, bảo đảm chăm sóc sức khỏe nhân dân ngay từ cơ sở; có cơ chế đào tạo cán bộ có trình độ chuyên sâu là người dân tộc thiểu số ở địa phương. Tạo điều kiện cho đồng bào dân tộc thiểu số tiếp cận dịch vụ y tế, khám, chữa bệnh ở các cấp thông qua chính sách bảo hiểm y tế. Thực hiện có hiệu quả chính sách dân số và chiến lược về phòng, chống suy dinh dưỡng ở trẻ em; xây dựng đề án nâng cao sức khỏe, tầm vóc, tuổi thọ người dân tộc thiểu số.

- Xây dựng và phát triển hệ thống thiết chế văn hoá; giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa tốt đẹp của đồng bào dân tộc thiểu số gắn với phát triển du lịch; bảo tồn tiếng nói các dân tộc; ngăn chặn hiệu quả các tập tục lạc hậu, xoá bỏ tình trạng tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống...

3. Phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số

Tiếp tục thực hiện hiệu quả các cơ chế, chính sách đặc thù trong tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển, bổ nhiệm cán bộ, công chức, viên chức là người dân tộc thiểu số, nhất là đối tượng dân tộc thiểu số còn khó khăn. Quan tâm tạo nguồn, hỗ trợ nâng cao năng lực cán bộ trẻ, cán bộ nữ là người dân tộc thiểu số để tham gia vị trí lãnh đạo, quản lý trong các cơ quan, tổ chức của hệ thống chính trị. Có giải pháp bảo đảm tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số trong cấp uỷ, cơ quan dân cử và ở các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập từ tỉnh đến cơ sở theo quy định.

4. Bảo đảm quốc phòng - an ninh, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội

- Xây dựng và củng cố thể trận quốc phòng toàn dân, thể trận an ninh nhân dân gắn với thể trận lòng dân vững chắc ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Tăng cường đấu tranh và làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, chống đối nhằm chia rẽ, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

- Phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành, cơ quan chức năng trong giải quyết những mâu thuẫn ngay từ cơ sở, kiên quyết không để xảy ra các "điểm nóng", "điểm phức tạp" về an ninh, trật tự; vận động, giáo dục và xử lý nghiêm đối với các hành vi vi phạm pháp luật, nhất là tệ nạn nghi kỵ "cầm đồ thuốc độc" trên địa bàn các huyện miền núi của tỉnh.

- Bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và thực hiện nghiêm pháp luật về tín ngưỡng, tôn giáo. Đấu tranh với các hoạt động lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo làm ảnh hưởng đến an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn vùng dân tộc thiểu số và miền núi.

- Phát huy vai trò người có uy tín, đội ngũ cốt cán trong các dân tộc, tôn giáo, góp phần xây dựng hệ thống chính trị ở cơ sở, phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh, trật tự. Tăng cường và đổi mới công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức về pháp luật, quốc phòng - an ninh cho người dân tộc thiểu số để nâng cao nhận thức về nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các ban cán sự đảng, đảng đoàn; các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh uỷ; các sở, ban, ngành, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh; các huyện uỷ, thị uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Tỉnh uỷ tổ chức quán triệt nội dung Nghị quyết trong cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và nhân dân; xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể để lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết gắn với chức năng, nhiệm vụ và tình hình thực tế của từng địa phương, đơn vị.

Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ hướng dẫn việc triển khai quán triệt, tuyên truyền và phổ biến Nghị quyết đến cán bộ, đảng viên và nhân dân trong tỉnh; chỉ

đạo các cơ quan thông tin đại chúng tuyên truyền nội dung và thông tin kịp thời kết quả thực hiện Nghị quyết ở các ngành, các cấp.

2. Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo rà soát, kiện toàn tổ chức cơ quan làm công tác dân tộc từ tỉnh đến cơ sở, đội ngũ cán bộ là người dân tộc thiểu số và cán bộ công tác ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số; bổ sung, hoàn thiện các cơ chế, chính sách dân tộc; huy động và bố trí nguồn lực để thực hiện phát triển kinh tế - xã hội các huyện miền núi.

3. Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh chỉ đạo rà soát, bổ sung và hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh để thực hiện có hiệu quả chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác dân tộc.

4. Giao Ban Dân vận Tỉnh ủy chủ trì, phối hợp với Đảng đoàn Hội đồng nhân dân, Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy theo chức năng, nhiệm vụ của mình tham mưu cho Ban Thường vụ Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo và triển khai thực hiện tốt các nội dung, nhiệm vụ của Nghị quyết; thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết; định kỳ hằng năm có đánh giá kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết, 03 năm báo cáo sơ kết, 05 năm tổ chức sơ kết, 10 năm tổ chức tổng kết Nghị quyết.

Nghị quyết này phổ biến, quán triệt đến Chi bộ để thực hiện.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ
Đã ký: Đặng Ngọc Huy**

THỊ ỦY ĐỨC PHỐ

*

Số 138-BS/TU


Nơi nhận:

- Thường trực HĐND, UBND thị xã,
- Các cơ quan chuyên trách TMGV Thị ủy,
- Mặt trận và các tổ chức CT - XH thị xã,
- Các đảng ủy, chi bộ trực thuộc Thị ủy,
- Lưu VPTX.

Sao lục

Đức Phố, ngày 18 tháng 7 năm 2022

**T/L BAN THƯỜNG VỤ
CHÁNH VĂN PHÒNG**



Nguyễn Viết Thanh